

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:**

- Chủ đầu tư, Bên mời thầu: Phòng kinh tế xã Chiềng La
- Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm giống vật nuôi và vật tư hỗ trợ cho các hộ đồng bào dân tộc La Ha thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 9, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Chiềng La năm 2025
- Tên gói thầu: Mua sắm giống vật nuôi và vật tư
- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa
- Giá gói thầu: **3.262.853.400 VND**
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 Ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV, 2025
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi (lựa chọn nhà thầu qua mạng)
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn – 01 túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 20 ngày

#### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung**

- Con giống khỏe mạnh, không bị nhiễm bệnh
- Hàng hóa phân bón phải mới 100%, chưa qua sử dụng

##### **1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật:**

- E-HSDT có Bảng so sánh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (hoặc bảng chào kỹ thuật... hoặc tương đương) thể hiện cụ thể các thông số kỹ thuật và các thông tin của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu kỹ thuật và tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa có thể là: hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, catalogue, tài liệu kỹ thuật chứng nhận về đặc tính, thông số kỹ thuật tiêu chuẩn chất lượng... thể hiện cụ thể, chi tiết các thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật sau đây:

<b>Hạng mục số</b>	<b>Tên hàng hóa</b>	<b>Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn</b> <i>(Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)</i>
1	Phân NPK: 12-5-5+TE	Phân NPK: 12-5-5+TE Thành phần: Đạm tổng hợp (Nts): 20%, lân hữu hiệu (P2O5hh): 5%, Kali hữu hiệu (K2Ohh): 5%, vi lượng (TE): Bo (B): 50 ppm, Mangan (Mn); 50ppm, Kẽm (Zn); 50 ppm, Sắt (Fe); 50 ppm, Độ ẩm: 5%
2	Phân đạm: 46N+TE	Phân đạm: 46N+TE Thành phần: Nts: 46%, TE: Bo; 50ppm, Zn: 50 ppm, Fe: 50ppm, Độ ẩm: 1%
3	Dê cái giống nội	<p>- Dê cái giống nội có trọng lượng từ 18 - 22 kg/con (trọng lượng trung bình 20kg/con).</p> <p>- Đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi: Luật Chăn nuôi năm 2018 (Điều 18, Điều 22, Điều 24, Điều 25, Điều 55); Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi (Điều 7 Quy định chỉ tiêu chất lượng bắt buộc phải công bố và mức chất lượng giống đối với đực giống, cái giống: Chỉ tiêu chất lượng bắt buộc phải công bố và mức chất lượng giống đối với đực giống, cái giống được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này); Thông tư 11/2021/TT-BKHCN ngày 18/11/2021 của Bộ Khoa học Công nghệ quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn (Chương IV hướng dẫn xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở)</p> <p>- Tiêu chuẩn:</p> <p>+ Đầu: Đầu nhỏ, dài, cân đối với cơ thể. Tai nhỏ, dựng đứng hoặc hơi cụp, linh hoạt. Mắt sáng, lanh lợi, giúp dê có khả năng quan sát tốt. Thường có sừng, cả ở dê đực và dê cái. Sừng cong vừa phải, nhọn ở đầu, có hình dáng đặc trưng uốn cong về phía sau.</p> <p>+ Thân hình: Thân hình cân đối, cơ thể chắc chắn và gọn gàng. Cổ ngắn và khá thẳng. Ngực rộng, nhưng</p>

	<p>không quá nở nang.          Bụng to vừa phải, không thông xuống nhiều.          + Chân: Chân của dê nội tương đối ngắn, chắc chắn và khỏe mạnh, phù hợp với việc di chuyển trên địa hình đồi núi và đồng cỏ gồ ghề. Móng chân nhỏ, cứng cáp, giúp dê dễ dàng di chuyển trên đất đá, địa hình khô cằn.          + Lông: Lông dê nội thường ngắn, mềm và sát cơ thể. Màu lông chủ yếu là màu đen, nâu hoặc xám. Một số dê có lông màu trắng hoặc đốm. Lông thường không quá dày, giúp dê dễ thích nghi với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm.          + Đuôi: Đuôi ngắn, dựng đứng, và thường vẫy khi dê cảm thấy vui vẻ hay thoải mái.          + Tính cách: Dê nội thường hiền lành, dễ nuôi và dễ thích nghi với môi trường sống. Chúng nhanh nhẹn, hoạt bát và có khả năng chịu đựng tốt trong điều kiện khô hạn hoặc thiếu thốn thức ăn.          + Được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định.          - Bảo hành về chất lượng con giống trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao nhận</p>
--	---

**\* Ghi chú:**

- Tên hàng hóa, yêu cầu kỹ thuật, quy cách chỉ mang tính tham khảo, nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn.

- Yêu cầu thông số kỹ thuật trên là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu, nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật của hàng hóa, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp của nhà thầu nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt" hơn hẳn so với yêu cầu tối thiểu.

Nội hàm "tương đương" được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

(1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn

- (2) Tương đương về mặt kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ
- (3) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
- (4) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
- (5) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
- (6) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
- (7) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo
- (8) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất
- (9) Các yếu tố tương đương khác

Nhà thầu có thể chào hàng hóa được nêu trên hoặc loại hàng hóa khác nhưng phải chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt so với hàng hóa được nêu trên. Để chứng minh sự tương đương nhà thầu phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh.

## **Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ**

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

- Việc kiểm tra, thử nghiệm thiết bị trước khi bàn giao được tiến hành tại địa điểm bàn giao hàng hóa hoặc cơ sở khác tùy theo thỏa thuận của 2 bên.

- Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.

- Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định.

- Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm tra giám sát, tối thiểu theo các nội dung sau:

+ Kiểm tra các tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy phạm liên quan đến lắp đặt thiết bị.

+ Kiểm tra tính hợp lệ của hàng hóa (CO, CQ, năm sản xuất, packing list, invoice, vận đơn, tờ khai hải quan và các tài liệu khác theo quy định đối với thiết bị nhập khẩu/ Tài liệu chứng nhận chất lượng sản phẩm hoặc tương đương đối với các thiết bị sản xuất trong nước khi giao hàng và các tài liệu liên quan...).

+ Kiểm tra tình trạng vận chuyển, đóng gói nguyên vẹn, đồng bộ của hàng hóa tại địa điểm giao hàng. Nếu phát hiện hư hỏng thì lập biên bản hiện trường báo cáo chủ đầu tư.

+ Kiểm tra chất lượng và số lượng các bộ phận của thiết bị, phụ kiện vật tư trước lắp đặt. Lập biên bản nghiệm thu.

+ Xem xét phương án lắp đặt phù hợp với tính năng của từng thiết bị như: Điều kiện môi trường (nhiệt độ, độ ẩm) tại nơi đặt thiết bị, các điều kiện khác nhằm chống rung, chống bức xạ nhiệt...

+ Theo dõi giám sát quá trình lắp đặt và vận hành chạy thử không tải, có tải. Đảm bảo các thông số kỹ thuật cơ bản của thiết bị, phù hợp với yêu cầu của hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu cung cấp thiết bị.

+ Kiểm tra và bàn giao cho bên sử dụng: catalog, lý lịch máy, hướng dẫn vận hành bảo quản, hồ sơ kỹ thuật, chứng từ liên quan.